

NHỮNG KINH NGHIỆM CỦA THẾ GIỚI TRONG KIỂM SOÁT TẬP TRUNG KINH TẾ

Ths. Hà Ngọc Anh

Trường Đại học An ninh Nhân dân

Khái niệm tập trung kinh tế (TTKT) được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau, trong đó, cách tiếp cận thứ nhất gắn với việc hình thành và thay đổi của cấu trúc thị trường, hiểu TTKT là quá trình mà số lượng các doanh nghiệp độc lập cạnh tranh trên thị trường bị giảm đi thông qua các hành vi sáp nhập (theo nghĩa rộng) hoặc thông qua tăng trưởng nội sinh của doanh nghiệp trên cơ sở mở rộng năng lực sản xuất¹. Cách nhìn nhận này đã làm rõ nguyên nhân và hậu quả của TTKT đối với cấu trúc thị trường cạnh tranh, coi hiện tượng tích tụ tư bản là một phần của khái niệm TTKT. Cách tiếp cận thứ hai nhìn nhận TTKT là tăng thêm tư bản do hợp nhất nhiều tư bản² lại hoặc một tư bản này thu hút một tư bản khác³. Khái niệm này đã không đưa ra các biểu hiện cụ thể của TTKT, nhưng lại cho thấy bản chất và phương thức của hiện tượng.

Trong bối cảnh hậu khủng hoảng kinh tế thế giới, trước tốc độ của các hoạt động TTKT sẽ ngày càng tăng mạnh, việc hoàn

thiện hệ thống chính sách bảo vệ cạnh tranh với cơ chế kiểm soát TTKT hiệu quả ngày càng trở nên quan trọng. Kiểm soát TTKT (sáp nhập, mua lại, hợp nhất, thôn tính công ty và liên minh chiến lược) là một nội dung rất mới không chỉ đối với nước ta (vấn đề kiểm soát hoạt động TTKT mới được quan tâm ở châu Âu trong vài thập niên trở lại đây - Đức bổ sung Luật Cacten năm 1973, Liên minh Châu Âu ban hành Quy chế Kiểm soát hoạt động TTKT lần đầu tiên năm 1989...)⁴, bởi vậy nghiên cứu kinh nghiệm của thế giới trong lĩnh vực này là hết sức cần thiết.

Bài viết này muốn trình bày những kinh nghiệm của thế giới trong kiểm soát TTKT để làm tài liệu tham khảo cho nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn nhằm hoàn thiện chính sách và pháp luật về kiểm soát hoạt động TTKT ở Việt Nam.

1. Hai mô hình chính của cơ chế kiểm soát tập trung kinh tế

Nhìn chung, trên thế giới tồn tại hai mô hình chính của cơ chế kiểm soát TTKT là mô hình Mỹ và mô hình châu Âu⁵.

¹ Lê Việt Thái, *Chuyên đề về hành vi tập trung kinh tế, Đề tài nghiên cứu về thể chế cạnh tranh trong điều kiện phát triển thị trường tại Việt Nam*, Viện Nghiên cứu Thương mại, Bộ Thương mại, 2005.

² Tư bản được hiểu là các giá trị kinh tế trên thị trường được sử dụng để tìm kiếm giá trị thặng dư như vốn, công nghệ, trình độ quản lý...

³ Viện Ngôn ngữ học, *Từ điển tiếng Việt*, NXB Khoa học Xã hội & Nhân văn, 1994, tr. 870.

⁴ Meinrad Dreher, *Group of Undertaking and Competition – Regulatory Approaches in Europe*, Tuebingen, 2001, c.167.

⁵ Мозолин В., Кулагин М. "Гражданское и торговое право капиталистических стран", М., 1980 г., с. 96.

Mô hình Mỹ được coi là cấm một cách nghiêm ngặt TTKT và độc quyền về mặt hình thức. Sự nghiêm ngặt này bắt nguồn từ việc sự tích tụ tư bản dưới hình thức tởrốt đã làm một số ngành công nghiệp của Mỹ như dầu mỏ, thép, thuốc lá... rơi vào tay các tập đoàn tư bản lũng đoạn, đòi hỏi phải có chính sách kiểm soát và ban hành những đạo luật chống tởrốt (anti - trust). Hệ thống pháp luật chống độc quyền của Mỹ có lịch sử lâu dài nhất, từ hơn 100 năm nay bao gồm: Đạo luật Sherman năm 1890 (nội dung chủ yếu là cấm thoả thuận hạn chế cạnh tranh); Đạo luật Clayton năm 1914 (bổ sung Luật Sherman thêm bốn hành vi: cấm phân biệt đối xử về giá; cấm ký kết hợp đồng mang tính độc quyền hoặc có nội dung ràng buộc; cấm việc chiếm vốn giữa các công ty; cấm kiêm nhiệm chức vụ); Đạo luật về Ủy ban Thương mại Liên bang - thành lập Cơ quan Cạnh tranh tại Mỹ năm 1914. (Trước đây các vụ cạnh tranh ở Mỹ do Cục Chống độc quyền thuộc Bộ Tư pháp thực hiện. Sau khi thành lập Ủy ban Thương mại Liên bang, Ủy ban này giám sát việc thực thi Luật Cạnh tranh thuộc mảng dân sự và bổ sung thêm các hành vi cạnh tranh không lành mạnh như làm hàng giả, quảng cáo gian dối)⁶; Đạo luật Robinson-Patman 1936 (bổ sung Luật Clayton về hành vi bán phá giá hàng hoá trong nước - predatory pricing, (chứ không phải là anti - dumping); Đạo luật Wheeler-Lea (bổ sung những hành vi cạnh tranh không lành mạnh); Đạo luật Celler-Kefauver (quy định việc kiểm soát sáp nhập, mua lại).

Mô hình kiểm soát TTKT Mỹ được áp dụng ở Mỹ, Canada, Argentina và nhiều nước khác. Kể từ những năm 1980, dưới ảnh hưởng của trường phái kinh tế học Chicago, những xung đột giữa các mục tiêu pháp lý của chính sách chống độc quyền và các mục tiêu kinh tế ngày càng được các tòa án Mỹ giải quyết trên cơ sở tiêu chí về hiệu quả kinh tế chứ không phải dựa trên những lập luận pháp lý hoặc tính “bất hợp lý” của những hạn chế⁷.

Mô hình châu Âu được xây dựng dựa trên nguyên tắc kiểm soát TTKT và hạn chế những tác động tiêu cực của nó. Mô hình kiểm soát TTKT châu Âu cho phép đăng ký những dự án TTKT không hạn chế đáng kể cạnh tranh. Tại châu Âu, hầu hết các nước đưa ra luật cạnh tranh sau Chiến tranh thế giới thứ Hai không chỉ nhằm đẩy mạnh hiệu quả kinh tế mà còn nhằm thúc đẩy sự tự do kinh tế, sự tách biệt và phân chia quyền lực tư nhân và quyền lực chính trị, và nhằm giảm bớt những quy định mang tính bảo hộ trong nền kinh tế của những nước này⁸.

Nhìn chung các điều khoản về sáp nhập, mua lại trong Luật Cạnh tranh ở các nước theo mô hình châu Âu không có tính bắt buộc. Cụ thể là không cần thiết phải rà soát một cách hệ thống và thông qua tất cả các vụ sáp nhập, mua lại. Yêu cầu thông báo về mọi vụ sáp nhập, mua lại sẽ tạo ra gánh nặng không đáng có cho cơ quan quản lý, làm phát

⁶ Жидков О. “Антитрестовое законодательство США”, М., 1963 г., с.34.

⁷ Cục Quản lý cạnh tranh, Bộ Công thương, *Kiểm soát TTKT: Kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn tại Việt Nam*, tr.22-23.

⁸ Xem: D.Gerber, *Luật và Cạnh tranh tại châu Âu thế kỷ XX: Báo vệ thần thoại Prôtê mê*, 1998.

sinh các khoản chi phí không hợp lý và làm chậm quá trình sáp nhập, mua lại⁹.

Cơ chế kiểm soát TTKT và chống độc quyền của Vương quốc Anh là điển hình cho mô hình châu Âu. Mô hình châu Âu được áp dụng ở các nước Tây Âu, Úc, New Zeland và Nam Phi.

Pháp luật của Đức về kiểm soát TTKT được xếp vào giữa hai mô hình Mỹ và mô hình châu Âu, vì bên cạnh những quy định chung cấm TTKT và độc quyền có một loạt những trường hợp ngoại lệ, giảm nhẹ. Trước Chiến tranh thế giới II, nước Đức là nước của các tập đoàn và cartel. Sau chiến tranh, những cartel bị giải tán. Những tư tưởng của pháp luật chống độc quyền của Mỹ đã có tác động mạnh đến việc xây dựng chính sách cạnh tranh ở Đức. Luật Chống hạn chế cạnh tranh ra đời năm 1957 và đã được sửa đổi, bổ sung nhiều lần. Nội dung cơ bản của Luật Chống hạn chế cạnh tranh Đức bao gồm cấm cartel, kiểm soát sáp nhập và giám sát việc lạm dụng vị trí thống lĩnh¹⁰.

Theo Luật Chống hạn chế cạnh tranh Đức, các giao dịch sau đây được coi là TTKT: mua phần tài sản cơ bản của doanh nghiệp khác; mua cổ phần và quyền bỏ phiếu của doanh nghiệp để chiếm 25 tới 50% cổ phần hoặc bảo đảm có quyền lợi chính; một số hình thức liên doanh nhất định; thoả thuận thành lập tập đoàn; hoặc tiếp tục hoạt động

vì quyền lợi của doanh nghiệp khác; hoặc chuyển lợi nhuận cho doanh nghiệp khác; hoặc cho thuê hay chuyển thiết bị cho doanh nghiệp khác; Ban Quản trị phối hợp (các doanh nghiệp có ít nhất nửa thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc là trùng nhau). Việc hợp nhất, sáp nhập bị kiểm soát hay không phụ thuộc chủ yếu vào mức vốn của công ty. Vượt quá mức vốn nhất định theo qui định của Luật này, hợp nhất, sáp nhập phải được thông báo cho cơ quan có thẩm quyền trước hoặc sau khi hoàn thành việc hợp nhất. Các mức vốn đặc biệt được áp dụng cho các lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, xuất bản. Các dự án hợp nhất, sáp nhập phải được thông báo trước khi được Văn phòng Chống độc quyền Liên bang cho phép. Các giao dịch vi phạm các qui định cấm là vô hiệu và có thể bị xử phạt. Việc hợp nhất, sáp nhập bị cấm nếu tạo ra hoặc thúc đẩy một vị trí thống trị trên thị trường.

Hệ thống pháp luật cạnh tranh của Việt Nam, đặc biệt là pháp luật về kiểm soát TTKT được đánh giá là chịu nhiều ảnh hưởng của pháp luật cạnh tranh của Đức.

2. Kinh nghiệm kiểm soát tập trung kinh tế của Pháp và các nước trong Cộng đồng các quốc gia Độc lập (SNG)

Kinh nghiệm kiểm soát TTKT của Pháp được tập trung nghiên cứu ở đây vì có những điểm hữu ích để bổ sung, hoàn thiện chính sách và pháp luật kiểm soát TTKT Việt Nam. Kinh nghiệm kiểm soát TTKT của các nước SNG được xem xét vì đây là những nước cũng trong bước chuyển sang nền kinh tế thị trường như Việt Nam.

⁹ *A Framework for the Design and Implementation of Competition Law and Policy*, OECD, 1998.

¹⁰ Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương, *Cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc xây dựng chính sách cạnh tranh ở Việt Nam*, Hà Nội, 2004.

Theo quy định của Điều L430-1, Bộ luật Thương mại Pháp, TTKT là việc: Hai hay nhiều doanh nghiệp độc lập sáp nhập hoặc hợp nhất với nhau; Một hoặc nhiều doanh nghiệp hoặc những người đang nắm quyền kiểm soát những doanh nghiệp đó nắm lấy quyền kiểm soát đối với một phần hoặc toàn bộ một hoặc nhiều doanh nghiệp khác một cách trực tiếp hoặc gián tiếp, dưới hình thức góp vốn, mua lại tài sản, ký kết hợp đồng hoặc dưới bất kỳ hình thức nào khác.

Quyền kiểm soát ở đây được hiểu là khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp khác, cho dù chủ thể của quyền kiểm soát đã có được khả năng đó bằng bất kỳ hình thức nào: nhận chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền hưởng dụng đối với một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác; thực hiện những giao dịch tạo ra quyền chi phối đối với thành phần, cơ chế quyết định, nội dung quyết định của các cơ quan quản lý của doanh nghiệp khác.

Ở Pháp, một dự án TTKT phải chịu áp dụng thủ tục kiểm soát nếu:

- Tổng doanh thu chưa tính thuế trên phạm vi toàn cầu của toàn bộ các doanh nghiệp hoặc nhóm thể nhân hoặc pháp nhân tham gia vụ TTKT đạt trên 150 triệu euro;

- Tổng doanh thu chưa tính thuế thực hiện trên lãnh thổ Pháp bởi ít nhất hai doanh nghiệp hoặc hai nhóm thể nhân hoặc pháp nhân liên quan đạt trên 50 triệu euro¹¹.

Ở tất cả các nước SNG, pháp luật cạnh tranh cũng tạo ra hành lang pháp lý để kiểm soát chống độc quyền đối với các hoạt động có tính chất tập trung quyền lực kinh tế (hợp nhất, sáp nhập, mua lại quyền điều hành dưới mọi hình thức theo chiều ngang, chiều dọc hay liên kết tập đoàn). Ở một số nước SNG, việc hình thành công ty mới và việc mua lại quyền sở hữu cũng bị kiểm soát. Mục đích chủ yếu của kiểm soát Nhà nước đối với hành vi tập trung quyền lực kinh tế là ngăn ngừa việc mua lại vị trí độc quyền hoặc tăng cường vị trí thống lĩnh, hạn chế các hoạt động có tính chất độc quyền khác.

Pháp luật Cạnh tranh đã thông qua ở các nước SNG dựa trên những nguyên tắc chung của sự điều chỉnh cạnh tranh áp dụng trên khắp thế giới. Trọng quá trình soạn thảo Luật Cạnh tranh của mình, các nước SNG đã cân nhắc những đề nghị của UNCTAD, OECD và các tổ chức kinh tế khác, cũng như những điều khoản trong Luật mẫu về Bảo vệ cạnh tranh kinh tế của Cộng đồng các quốc gia Độc lập. Chính sách cạnh tranh ở các nước SNG đã quan tâm không những các hoạt động tư nhân mà còn cả những hạn chế của việc điều tiết đối với cạnh tranh. Những bộ luật cạnh tranh đó chứa đựng các điều khoản đặc biệt nghiêm cấm các hoạt động của các cơ quan nhà nước hạn chế cạnh tranh. Ở nhiều nước trong Cộng đồng các quốc gia Độc lập, cơ quan cạnh tranh tham gia vào việc phác thảo và quản lý chính sách trong phạm vi liên quan, trước hết là trong thương mại và đầu tư. Việc này giúp tránh những biện pháp bảo hộ bất hợp lý và phát triển nhập khẩu và đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên,

¹¹ Trần Quang Hiếu (dịch từ tiếng Pháp), *Chính sách và thực tiễn pháp luật cạnh tranh của Cộng hòa Pháp*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 103.

mức độ minh bạch của những quy định về cạnh tranh vẫn còn khá thấp: Chỉ có Luật và những nguyên tắc chính yếu (ở một số nước) được công bố một cách chính thức, trong khi những báo cáo hàng năm và sự mô tả các tập quán thi hành không được công bố. Phát triển tính minh bạch trong chính sách cạnh tranh và đẩy mạnh sự ủng hộ tích cực cạnh tranh ở những nước này phụ thuộc ở một mức độ lớn vào nguồn lực tài chính được cung cấp để thi hành chính sách này và văn hoá cạnh tranh của riêng từng nước.

Khi quy định cụ thể về sáp nhập, phần lớn các nước SNG thiết lập cơ chế thông báo trước khi hoàn thành việc sáp nhập. Nhưng việc thông báo này chỉ có tính bắt buộc khi các doanh nghiệp liên quan sẽ có (hoặc hầu như sẽ đạt được) một quyền lực trên thị trường ở mức nhất định. Trong thời gian quy định, các bên tham gia giao dịch phải thông báo trước việc sáp nhập cho cơ quan chống độc quyền, nêu rõ tất cả các thông tin cần thiết. Các thông tin phải cung cấp có thể gồm các hoạt động chủ yếu, khối lượng hàng hóa sản xuất và bán hàng năm, thị phần của các bên, mục đích sáp nhập/mua lại và các vấn đề tương tự.

Không có quyết định cho phép sáp nhập của cơ quan chống độc quyền, doanh nghiệp mới hình thành sẽ không được đăng ký pháp nhân một cách chính thức (Kazakhstan, Liên bang Nga, Belarus, Grudia, Kyrgyzstan, Moldova).

Các loại hoạt động phải được thông báo sơ bộ, được quy định khác nhau giữa Luật Chống độc quyền của các nước SNG. Tiêu

chí cơ bản để xác định các loại hoạt động này là thị phần và tổng tài sản của các doanh nghiệp có liên quan. (Tiêu chí tổng doanh thu hàng năm được nhiều nước phát triển áp dụng nhưng chưa được Luật Chống độc quyền các nước SNG sử dụng vì lý do không phải mọi giao dịch đều được đăng ký chính thức)¹².

3. Bài học cho Việt Nam từ kinh nghiệm kiểm soát tập trung kinh tế của các nước trên thế giới

Thứ nhất: Hiện tại, đa số các doanh nghiệp Việt Nam có quy mô vừa và nhỏ với số vốn đầu tư ít và hạn chế về năng lực cạnh tranh. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp sẽ diễn ra ngày càng khốc liệt, tất yếu các doanh nghiệp nhỏ và vừa phải liên kết hoặc tập trung các nguồn lực kinh tế nhằm tìm kiếm cơ hội tồn tại, phát triển. Vì vậy, cần có những chính sách kinh tế, những đòn bẩy tích cực để hỗ trợ việc TTKT của các doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam.

Thứ hai: Theo kinh nghiệm của Pháp, có thể xác định ngưỡng phải thông báo TTKT không chỉ dựa vào thị phần mà còn có thể dựa vào quy mô vốn điều lệ, tổng doanh thu của các doanh nghiệp tham gia TTKT. Hiện tại, để xác định các trường hợp TTKT cụ thể, kiểm soát và xử lý các hành vi vi phạm được thực hiện chủ yếu dựa vào việc xác định chính xác thị phần kết hợp của các doanh nghiệp tham gia. Với quy định hiện

¹² Natalya Yacheistova, *Chính sách cạnh tranh các nước đang chuyển đổi, cơ sở pháp lý và kinh nghiệm thực tiễn*, UNCTAD, 2008.

tại, chỉ xét theo ngưỡng thị phần và nghĩa vụ xác định thị phần thuộc về doanh nghiệp là một khó khăn lớn cho bên nộp hồ sơ thông báo TTKT hay xin hưởng miễn trừ.

Thứ ba: Thủ tục kiểm soát TTKT là thủ tục tiền kiểm chứ không mang tính chất hậu kiểm nên cơ quan thực hiện thủ tục kiểm soát phải tính đến những hành vi hạn chế cạnh tranh có nguy cơ xảy ra. Có quy định rằng chứng cứ về sự ảnh hưởng của một dự án TTKT đối với cạnh tranh phải rõ ràng, nhưng đây là điều rất khó vì việc đánh giá ảnh hưởng của dự án kinh tế chỉ mang tính dự báo. Kiểm soát TTKT thực chất có thể coi là một biện pháp có nội dung giới hạn quyền sở hữu mà sự giới hạn quyền sở hữu chỉ hợp pháp và chính đáng khi chứng minh được ở một mức độ chắc chắn về những nguy cơ mà việc thực hiện quyền sở hữu đó gây ra đối với lợi ích công.

Trên thế giới, TTKT nói chung và sáp nhập, mua lại doanh nghiệp nói riêng được xem xét, điều tiết chủ yếu từ góc độ của pháp luật về cạnh tranh¹³. Nhìn chung, các điều khoản về TTKT trong Luật Cạnh tranh ở các nước trên thế giới không có tính bắt buộc, không cần thiết phải rà soát một cách hệ thống và thông qua tất cả các vụ TTKT. Yêu

cầu thông báo về mọi vụ việc TTKT tạo ra gánh nặng không đáng có cho cơ quan quản lý, làm phát sinh các khoản chi phí không hợp lý và làm chậm quá trình TTKT¹⁴.

Tuy nhiên, chính sách kiểm soát TTKT cũng phải hướng sự chú ý vào việc hạn chế ảnh hưởng và động thái tinh vi của các tập đoàn kinh tế đa quốc gia khi đầu tư vào Việt Nam với chiến lược chia nhỏ thị trường. Các tập đoàn đa quốc gia này đã thành lập các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với quy mô vừa phải ở các vùng, miền. Sau khi chiếm lĩnh được thị trường ở các thị trường đó, những tập đoàn đa quốc gia mới thực hiện hành vi sáp nhập hoặc hợp nhất doanh nghiệp để trở thành doanh nghiệp có vị trí thống lĩnh trên thị trường.

Thứ tư: Ở Việt Nam hiện nay, các vụ việc có các dấu hiệu của TTKT và có khả năng làm ảnh hưởng đáng kể đến tình trạng cạnh tranh trên thị trường Việt Nam lại chủ yếu diễn ra trong khu vực kinh tế nhà nước. Việc thành lập các tổng công ty nhà nước từ nhiều năm trước đây và các tập đoàn kinh tế trong vài năm trở lại đây đã làm xuất hiện những thế lực có vị trí thống lĩnh, vị độc quyền trên thị trường liên quan. Rõ ràng, sự ra đời và hoạt động của các tổng công ty, các tập đoàn kinh tế nhà nước có thể làm giảm, sai lệch, cản trở cạnh tranh trong khu vực thị trường mà các chủ thể này hoạt động. Tuy nhiên, pháp luật cạnh tranh Việt Nam kiểm soát sự hình thành các tập đoàn kinh tế nhà nước nói trên như hoạt động TTKT. Ý do

¹³ Xem: *Khuôn khổ cho việc xây dựng và thực thi Luật và Chính sách cạnh tranh*, Ngân hàng Thế giới, Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế, Hà Nội, 2004; *Luật Cạnh tranh Canada và bình luận*, Cơ quan Phát triển Quốc tế Canada, Bộ Thương mại Việt Nam, Hà Nội, 2004; *Các văn bản quy phạm pháp luật về thương mại lành mạnh của Hàn Quốc*, Cơ quan Phát triển Quốc tế Canada, Bộ Thương mại Việt Nam, Hà Nội, 2004... *Гражданское и торговое право зарубежных стран*, Под. рек. В. В. Безбаха и В. К. Пучинского, Москва, 2004.

¹⁴ *A Framework for the Design and Implementation of Competition Law and Policy*, OECD, 1998.

được đưa ra là các doanh nghiệp liên kết, hoạt động trong tổng công ty, tập đoàn là theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứ không phải là kết quả của quá trình tự sáp nhập, hợp nhất hoặc góp vốn, mua lại doanh nghiệp. Như vậy, khoa học pháp lý có thể xem xét việc hình thành các tổng công ty, tập đoàn như một dạng của TTKT; nghiên cứu kinh nghiệm kiểm soát dạng TTKT này ở các quốc gia có cơ chế kinh tế chuyển đổi, từ đó đưa ra cơ chế kiểm soát phù hợp, tạo sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp, tránh tình trạng doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện TTKT bị kiểm soát nghiêm ngặt, doanh nghiệp Nhà nước tập trung nguồn lực kinh tế có ảnh hưởng đáng kể đến tương quan thị trường lại hoàn toàn không chịu bất cứ sự điều tiết nào. Ở đây, kinh nghiệm chính sách và pháp luật cạnh tranh ở các nước SNG, đặc biệt là Liên bang Nga sẽ hết sức hữu ích.

Thứ năm: Kinh nghiệm thực tế kiểm soát TTKT ở các nước trên thế giới (ví dụ như kinh nghiệm vận dụng mô hình kiểm soát TTKT Mỹ) cho thấy sự hy sinh giữa việc giảm cạnh tranh và tiềm năng đạt được hiệu quả kinh tế cần phải được đánh giá kỹ lưỡng. Việc thực hiện TTKT ở các nước đang chuyển đổi như Việt Nam có thể có ảnh hưởng sâu sắc đến nền kinh tế, và trong thực tế có thể dẫn tới vị trí thống lĩnh trên toàn bộ hoặc một phần thị trường. Bởi vậy cũng cần chuẩn bị các biện pháp thích hợp đối với các hoạt động TTKT đó nếu như các hoạt động này có thể làm phát sinh các hành vi hạn chế cạnh tranh sau này.

Bên cạnh những tác dụng tích cực, TTKT có thể có một số ảnh hưởng xấu tới lợi ích công cộng và của người tiêu dùng. Những ảnh hưởng này bao gồm: Việc giảm số lượng người tham gia vào thị trường; Sự đạt được sức mạnh kinh tế khổng lồ của các thực thể; Sự kìm hãm những người mới gia nhập thị trường; Sự khống chế về giá cả của các thực thể sau sáp nhập lớn; và Sự thống lĩnh của các thực thể sau khi thực hiện TTKT.

Khoa học pháp lý và kinh tế học cần tiếp tục nghiên cứu một cách tổng quan và chi tiết về các tác động của TTKT đối với thị trường Việt Nam; đặc biệt là xác định một quan điểm rõ ràng về kiểm soát TTKT, nghiên cứu và dự báo tình hình TTKT trong thời gian tới để tìm kiếm các cơ chế, chính sách và pháp luật hợp lý hơn nữa. Điều cần lưu ý ở đây là ở mỗi giai đoạn phát triển kinh tế, tùy thuộc vào chiến lược phát triển chung, chính sách kiểm soát TTKT có thể được nói lỏng hoặc siết chặt. Chúng tôi cho rằng, với chính sách kinh tế chú trọng phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, khuyến khích tập trung nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh, đầu tư nguồn lực phát triển kỹ thuật – công nghệ, Nhà nước nên có chính sách cởi mở hơn đối với TTKT bên cạnh các chính sách khuyến khích đầu tư. TTKT mặc dù không trực tiếp làm thay đổi GDP của một quốc gia, nhưng có thể là kênh rất tiềm năng để thu hút đầu tư nước ngoài thông qua các hoạt động sáp nhập và mua lại, bởi vậy cần hoàn chỉnh hơn nữa chính sách kinh tế và hành lang pháp lý để khơi thông dòng chảy của nguồn vốn đầu tư này./.